

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/DS-PT

Ngày 19-8-2026

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu di dời tài sản trên đất và buộc
chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật
về thực hiện quyền đối với tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiêm

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Ông Phạm Văn Tuệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2026/TLPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất và buộc chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về thực hiện quyền đối với tài sản.

Do Bản án sơ thẩm số 06/2026/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2026/QĐ-PT ngày 13-7-2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 64/2026/QĐ-PT ngày 27-7-2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Đình C, sinh năm 1961. Căn cước công dân số 020061004xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 24-6-2021. Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Bị đơn có yêu cầu phản tố:* Ông Dương Hữu P, sinh năm 1941. Căn cước công dân số 020041003xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 25-6-2021. Cư trú tại: Thôn T, xã B, tỉnh Lạng Sơn (đã chết)

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có yêu cầu phản tố:

1. Bà Dương Thị H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Ông Dương Hữu B, sinh năm 1972. Căn cước công dân số 020072008xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an

cấp ngày 25-6-2021. Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Bà Dương Thị L, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn B, phường T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số xx, ngõ xx, đường P, phường Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Ông Dương Hữu C1, sinh năm 1978. Căn cước công dân số 020078010xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 04-3-2022. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, phường T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có yêu cầu phản tố:* Ông Triệu Quang H, sinh năm 1979 CCCD số 020079002xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 29-2-2021. Địa chỉ: Số xx đường B, phường K, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy uỷ quyền số 469 ngày 13/8/2026). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Dương Thị T, sinh năm 1961. Vắng mặt.

2. Anh Dương Đình H, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã B, tỉnh Lạng Sơn.

3. Ông Dương Hữu S1, sinh năm 1970. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Lạng Sơn

4. Ông Dương Hữu Đ1, sinh năm 1978. Vắng mặt.

5. Anh Dương Hữu C2, sinh năm 1994. Vắng mặt.

6. Ông Dương Hữu X, sinh năm 1971. Có mặt.

7. Ông Dương Hữu T1, sinh năm 1969. Có mặt.

8. Ông Dương Hữu S, sinh năm 1967. Vắng mặt.

9. Ông Dương Hữu A, sinh năm 1968. Có mặt.

10. Anh Dương Hữu B, sinh năm 1983. Vắng mặt.

11. Ông Dương Hữu Đ, sinh năm 1974. Có mặt.

12. Ông Dương Hữu M, sinh năm 1974. Có mặt.

13. Anh Dương Hữu S2, sinh năm 1968. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Lạng Sơn.

14. Anh Dương Hữu H, sinh năm 1977. Vắng mặt.

15. Anh Dương Hữu T2, sinh năm 1976. Vắng mặt.

16. Ông Dương Hữu T3, sinh năm 1972. Có mặt.

17. Anh Dương Hữu Đ1, sinh năm 1982. Vắng mặt.

18. Ông Dương Hữu T4, sinh năm 1965. Vắng mặt.

19. Anh Dương Hữu L, sinh năm 1981. Vắng mặt.

20. Anh Dương Hữu T5, sinh năm 1980. Có mặt.

21. Anh Dương Hữu Đ2, sinh năm 1978. Vắng mặt.

22. Ông Dương Hữu T6, sinh năm 1995. Có mặt.

23. Ông Dương Hữu Y, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã B, tỉnh Lạng Sơn.

24. Anh Dương Hữu T7, sinh năm 1997. Có mặt.

25. Anh Dương Hữu C2, sinh năm 1980. Có mặt.

26. Anh Dương Hữu T8, sinh năm 1986. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Lạng Sơn

27. Ông Dương Hữu Q, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Lạng Sơn.

28. Ông Dương Hữu T9, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nay là thôn R, xã B, tỉnh Lạng Sơn.

29. Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trịnh Minh T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Dương Hữu B, là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có yêu cầu phản tố.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 06-3-2024 xác định: Đất tranh chấp nguyên đơn xác định có tổng diện tích là 686,3m², bao gồm: Diện tích 601,0m² thuộc thửa đất số 126; diện tích 6,7m² thuộc thửa đất số 127; diện tích 78,6m² thuộc thửa đất số 146. Trên đất tranh chấp tại thửa đất số 126 có bức tường gạch ba banh do chi họ Dương Hữu xây dựng và cây sắn do nguyên đơn trồng năm 2023. Trên đất tranh chấp tại thửa đất số 127 và 146 có cây sắn do nguyên đơn trồng năm 2023.

Đất tranh chấp bị đơn có yêu cầu phản tố có diện tích là 1.870,0m² trong đó: Diện tích 1.444,0m² thuộc thửa đất số 126; diện tích 6,7m² thuộc thửa đất số 127; diện tích 78,6m² thuộc thửa số 146 và diện tích 340,7m² không thể hiện số thửa đất. Tài sản trên thửa đất số 126 có 07 ngôi mộ của chi họ Dương Hữu, 06 ngôi mộ của hộ ông Dương Công Đ, 02 ngôi mộ của hộ ông Dương Hữu V, 01 bức tường xây bằng gạch ba banh do chi họ Dương Hữu xây và có các cây sắn do nguyên đơn trồng năm 2023, đã đến vụ thu hoạch. Đất tranh chấp theo giá thị trường có trị giá 40.000đồng/m².

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 26-11-2025 xác định: Đất tranh chấp có diện tích là 601m² thuộc một phần thửa 126, từ

bản đồ 48; có tên gọi là T (tên gọi khác N) thuộc thôn T, xã B, tỉnh Lạng Sơn. Đất tranh chấp theo giá thị trường có trị giá 70.000 đồng/m². Tài sản trên đất có 01 bức tường gạch xây bằng gạch ba banh, do chi họ Dương Hữu xây dựng, trị giá là 1.521.000 đồng.

Theo Sổ mục kê và Bản đồ địa chính xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn năm 2006 thể hiện: Thửa đất số 126 có diện tích 1.720,0m² đất trồng cây hàng năm khác, quy chủ sử dụng là hộ ông Dương Đình C. Thửa đất số 127 có diện tích 543,0m² đất trồng cây hàng năm khác, quy chủ sử dụng là hộ ông Dương Hữu Đ3. Thửa đất số 126 và 127 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào. Thửa đất số 146 có diện tích 1.858,0m² đất trồng cây hàng năm khác, quy chủ sử dụng là hộ ông Dương Hữu L. Thửa đất 146 đã được UBND huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ ngày 10-6-2010 cho hộ ông Dương Hữu L và bà Dương Thị N; ngày 20-3-2015, thửa đất số 146 được tách thành thửa đất số 260 và 261.

Nguyên đơn ông Dương Đình C trình bày: Gia đình nguyên đơn có thửa đất số 126, tờ bản đồ 48, diện tích 1.720m² đất trồng cây hàng năm khác; địa chỉ tại: Khu T, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã B, tỉnh Lạng Sơn). Đất có nguồn gốc do ông cha để lại, từ năm 1991 sau khi tan Hợp tác xã, nguyên đơn được bố để là cụ Dương Đình C1 giao cho canh tác và sử dụng đến nay, hàng năm nguyên đơn vẫn trồng màu, trồng cây lạc, cây ngô, cây sắn...và không có tranh chấp với ai. Năm 2007, cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc, nguyên đơn được ký nhận thửa 126 diện tích 1.720m² (theo sổ bảng thống kê diện tích loại đất và chủ sử dụng theo hiện trạng xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn tỷ lệ 1:1000, tờ bản đồ địa chính số 35-36), họ tên chủ sử dụng đất là hộ ông Dương Đình C. Gia đình nguyên đơn đã đứng tên trên sổ mục kê, nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ.

Trên đất còn có mộ của một số gia đình chưa dời đi, hiện nay nguyên đơn canh tác một phần thửa 126, theo kết quả đo đạc là 601,0m², phần đất này không có mộ. Hàng năm gia đình nguyên đơn vẫn trồng cây màu như lạc, ngô, sắn..., nhưng hiện nay trên đất không còn cây trồng nào; phần đất gia đình nguyên đơn đã canh tác, tôn tạo có hiện trạng bằng phẳng, đất tơi xốp, không có đá.

Ngày 21-01-2020, nguyên đơn đi phát dọn thì phát hiện phần đất nguyên đất gia đình nguyên đơn canh tác đã bị gia đình bị đơn xây tường bằng gạch ba banh chia đôi phần đất từ ngày 14-01-2020. Ngày 31-01-2020, nguyên đơn đã gửi đơn đến UBND xã B xem xét giải quyết, nhưng hòa giải không thành.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích 601m² thuộc thửa 126 (đối với tổng diện tích đất tranh chấp 85,3m² thuộc thửa 127 và 146 theo kết quả đo đạc ngày 06-3-2024, nguyên đơn rút yêu cầu đối với phần đất này, tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26-11-2025, nguyên đơn dẫn đặc và xác định chỉ tranh chấp đối với diện tích 601m² thuộc thửa 126);

2. Yêu cầu người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn di dời bức tường trên đất;

3. Buộc người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về việc nguyên đơn thực hiện quyền đối với tài sản.

Bị đơn có yêu cầu phản tố ông Dương Hữu P và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trình bày: Ông Dương Hữu P (chết năm 16-01-2024) và bà Dương Thị H (chết năm 2022) có 06 người con: Dương Thị H, Dương Hữu B, Dương Thị L, Dương Thị Đ, Dương Hữu C1 và Dương Hữu Đ3 (chết năm 2024).

Đất tranh chấp có tên là N (tên gọi khác là T), do cụ tổ chi họ Dương Hữu là cụ Dương Hữu Đ4 và cụ bà là Dương Thị T khai phá làm nương, sau khi các cụ chết, các con, cháu an táng các cụ tại mảnh đất này từ đầu thế kỷ 19. Từ đó, thế hệ các con cháu của dòng họ khi chết cũng an táng tại đây, mảnh đất này trở thành nghĩa trang của chi họ Dương Hữu. Năm 1980-1990, UBND xã B (cũ) quyết định khu đất N thành nghĩa trang chung của toàn xã. Khi cơ chế thay đổi, các dòng họ khác lại bốc mộ người thân chuyển về an táng tại nghĩa trang dòng họ của mình, còn chi họ của ông đã liên tục quản lý khu đất từ thế kỷ 19 đến nay, do là nghĩa trang chung nên không canh tác, không trồng cây gì trên đất, cũng không được cấp giấy tờ gì.

Sau khi có kết quả đo đạc ngày 06-3-2024, bị đơn có yêu cầu phản tố: Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng 1.870m² thuộc một phần thửa đất số 126, 127, 146 và một phần diện tích không thể hiện số thửa đất (trong đó: diện tích thuộc thửa 126 là 1.444m², diện tích thuộc thửa 127 là 6,7m², diện tích thuộc thửa 146 là 78,6m² và diện tích không có số thửa là 340,7m²).

Do nguyên đơn chỉ yêu cầu giải quyết tranh chấp đối với 601m² thuộc thửa 126 nên người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố, nay chỉ yêu cầu phản tố như sau:

1. Yêu cầu được quyền quản lý sử dụng 601m² thuộc thửa 126 và tài sản trên đất;
2. Buộc nguyên đơn chấm dứt hành vi tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hữu S1 trình bày: Thửa 146, tờ bản đồ số 48, diện tích 1858,0m² gia đình ông đã được cấp GCNQSDĐ mang tên bố ông là hộ ông Dương Hữu L. Về ranh giới giữa thửa 146 với thửa 126 là ranh giới theo bờ rào hàng cây lát, do gia đình ông trồng từ khoảng năm 1992. Theo kết quả đo đạc, có một phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa 146 của gia đình ông, nhưng thực tế ông chỉ sử dụng diện tích đất phía trong bờ rào hàng cây lát, còn phần nằm ngoài bờ rào hàng cây lát cũng thuộc thửa 146 nhưng ông không quản lý sử dụng. Ông được biết nguồn gốc đất tranh chấp là của chi họ Dương Hữu, tuy nhiên trong thời kỳ hợp tác xã thì quy hoạch là đất nghĩa trang của xã. Sau tan hợp tác xã được mấy năm, gia đình nguyên đơn mới vào khu đất tranh chấp để canh tác trồng màu, còn phần khu mộ phía trong thì bị đơn vẫn quản lý, đến năm 2020-2021 thì hai bên mới xảy ra tranh chấp. Ông không liên quan đến việc tranh chấp đất giữa nguyên đơn và bị đơn, yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hữu Đ1 trình bày: Gia đình ông có thửa 127, tờ bản đồ số 48, diện tích 543,0m², chưa được cấp GCNQSDĐ tiếp giáp với thửa 126 đang tranh chấp. Theo kết quả đo đạc có 6,7m² đất tranh chấp nằm trong thửa 127, nhưng thực tế ông chỉ sử dụng phần

đất theo bờ thẳng với hàng cây lát của ông Dương Hữu S1. Ông yêu cầu được sử dụng đất đúng ranh giới bờ thẳng hàng rào cây lát, còn phần đất ngoài bờ hàng cây lát của thửa 127 ông không yêu cầu quản lý sử dụng và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn bà Dương Thị T và anh Dương Đình H đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện và ý kiến của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn: Ông Dương Hữu T2, Dương Hữu T3, Dương Hữu T4, Dương Hữu L, Dương Hữu T5, Dương Hữu C2, Dương Hữu Đ2, Dương Hữu T7, Dương Hữu X, Dương Hữu T1, Dương Hữu S, Dương Hữu Đ, Dương Hữu M, Dương Hữu S2, Dương Hữu Q, Dương Hữu T6, Dương Hữu Y, Dương Hữu T9, Dương Hữu S1, Dương Hữu Đ1, Dương Hữu C2, Dương Hữu B và Dương Hữu T8 đều nhất trí với ý kiến, yêu cầu của người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn, đề nghị giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp để làm đất nghĩa trang chung, vì quá trình nguyên đơn canh tác sẽ làm ảnh hưởng đến tâm linh của dòng họ Dương Hữu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hữu A trình bày: Ông không có ý kiến, yêu cầu gì đối với đất tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Hữu H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng, nên không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã B, tỉnh Lạng Sơn: Trên bản đồ giải thửa đo đạc năm 1984, điều chỉnh năm 1994, diện tích các thửa đất tranh chấp chưa được thể hiện trên bản đồ. Đến năm 2007 khu vực đất tranh chấp được đo đạc và thể hiện trên bản đồ địa chính chính quy. Thửa đất số 126, tờ bản đồ 48, diện tích 1.720,0m², đất trồng cây hàng năm khác, trên sổ mục kê đất đai của xã B (xã B trước khi sáp nhập) ghi tên hộ ông Dương Đình C, chưa được cấp GCNQSDĐ. Thửa đất 127, tờ bản đồ 48, diện tích 543,0m² đất trồng cây hàng năm khác, trên sổ mục kê đất đai của xã B ghi tên hộ ông Dương Hữu Đ1, chưa được cấp GCNQSDĐ. Thửa đất số 126, 127 tờ bản đồ 48 của xã B được đo đạc và lập sổ năm 2007. Thửa đất số 146, tờ bản đồ 78, diện tích 1858,0m² đất trồng cây hàng năm khác, trên sổ mục kê đất đai của xã B ghi tên hộ ông Dương Hữu L, đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Dương Hữu L. Căn cứ Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 23-01-2025 của UBND tỉnh về việc quy hoạch sử dụng đất đến năm 2023 của huyện B, tỉnh Lạng Sơn thì vị trí các thửa đất 126, 127, 146 được quy hoạch là đất trồng cây hàng năm, không thuộc quy hoạch quỹ đất công của UBND xã; tổ chức, cá nhân có quyền được quản lý sử dụng đất theo căn cứ xác định theo Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 27-6-2025 của TAND khu vực 3 - Lạng Sơn (trước là TAND huyện B, tỉnh Lạng Sơn) đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Đình C.

Ông Dương Đình C được quyền quản lý và sử dụng 01 phần diện tích đất thuộc thửa đất số 126 với diện tích 601m². Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn đối với yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp tại thửa đất số 126, diện tích là 1.720m² và các công trình trên đất. Đình chỉ xét xử đối với các diện tích đất nguyên đơn rút yêu cầu đối với một phần diện tích thửa đất 127 diện tích 6,7m² và một phần diện tích thửa đất 146 diện tích 78,6m². Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại đối với diện tích đất đã đình chỉ. Buộc ông Dương Hữu B chấm dứt hành vi tranh chấp và đại diện chi họ Dương Hữu phải tháo dỡ bức tường xây gạch ba banh trên diện tích đất 601m². Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả, chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm lần 1, Bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị: Ông Dương Hữu B là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có yêu cầu phản tố kháng cáo đề nghị sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm do có vi phạm về tố tụng và nội dung.

Tại Bản án số 60/2025/DS-PT ngày 15/9/2025 của TAND tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 27-6-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 13-4-2026 của TAND khu vực 3 - Lạng Sơn và Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 01/2026/QĐ-SCBSBA ngày 29-4-2026 đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử:

- Đình chỉ xét xử đối với diện tích đất, tài sản trên đất mà nguyên đơn rút yêu cầu, gồm: Diện tích 6,7m² thuộc một phần thửa 127, diện tích 78,6m² thuộc một phần thửa 146. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đình chỉ xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Đình chỉ xét xử đối với diện tích đất, tài sản trên đất mà bị đơn có yêu cầu phản tố, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn rút yêu cầu giải quyết, gồm: Diện tích 6,7m² thuộc một phần thửa 127, diện tích 78,6m² thuộc một phần thửa 146, diện tích 843m² thuộc một phần thửa 126, diện tích 340,7m² không có số thửa tờ bản đồ 48. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đình chỉ xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Đình C, yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 601m² thuộc một phần thửa 126. Ông Dương Đình C có quyền đi kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp Luật Đất đai.

Buộc người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bao gồm ông Dương Hữu B, Dương Hữu C1, bà Dương Thị H, Dương Thị Đ, Dương Thị L phải tháo dỡ, di dời 01 bức tường gạch xây bằng gạch ba banh có chiều dài 18,66m, chiều cao 30cm (có diện tích 5,6m²), có vị trí từ điểm A10 -A3 thể hiện tại Phụ lục. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bao gồm ông

Dương Hữu B, Dương Hữu C1, bà Dương Thị H, Dương Thị Đ, Dương Thị L phải chịu chi phí di dời tài sản.

Buộc người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền đối với tài sản của nguyên đơn.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn gồm ông Dương Hữu B, Dương Hữu C1, bà Dương Thị H, Dương Thị Đ, Dương Thị L về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất 601m² thuộc thửa 126.

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Dương Đình C phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 3.304.000 đồng, xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ số tiền trên. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Dương Hữu B, Dương Hữu C1, bà Dương Thị H, Dương Thị Đ, Dương Thị L phải liên đới chịu chi phí tố tụng là 23.282.000 đồng nên phải liên đới hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 23.282.000 đồng.

5. Về án phí: Buộc người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn gồm ông Dương Hữu B, Dương Hữu C1, Dương Thị H, Dương Thị Đ, Dương Thị L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận và án phí đối với yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận là 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, Bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị: Ông Dương Hữu B là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có yêu cầu phản tố kháng cáo đề nghị sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị hủy Bản án dân sự sơ thẩm do có vi phạm về tố tụng và nội dung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có yêu cầu phản tố: Ông Triệu Quang H, trình bày: Giữ nguyên yêu cầu phản tố, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp 601m² thuộc một phần thửa 126 và tài sản trên đất; buộc nguyên đơn chấm dứt hành vi tranh chấp. Nếu có vi phạm tố tụng thì đề nghị xem xét hủy Bản án sơ thẩm. Ông Dương Hữu B và ông Dương Hữu C1 nhất trí với ý kiến của ông Triệu Quang H.

Nguyên đơn ông Dương Đình C vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, có nội dung: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Hữu B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn có mặt nhất trí với ý kiến và yêu cầu kháng cáo của ông Dương Hữu B.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị đơn được nộp trong hạn luật định nên hợp lệ.

- *Về nội dung kháng cáo:* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn, ông Dương Hữu B đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có yêu cầu phản tố.

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ, thấy rằng:

- *Về nguồn gốc đất tranh chấp:* Theo nguyên đơn đất tranh chấp do ông cha để lại, năm 1991 tan Hợp tác xã ông được bố để Dương Đình C1 giao cho canh tác đến nay, hàng năm gia đình trồng màu và không có tranh chấp với ai. Năm 2007 ông được ký nhận diện tích đôi với thửa 126. Hiện gia đình nguyên đơn canh tác phần diện tích đất không có mộ và chưa được cấp GCNQSDĐ. Theo phía bị đơn, nguồn gốc đất do các cụ khai phá làm nương, sau đó trở thành nghĩa trang của chi họ Dương Hữu. UBND xã B cung cấp thông tin: “Bản đồ giải thửa năm 1984, điều chỉnh năm 1994, đất tranh chấp chưa được thể hiện trên bản đồ, đến năm 2007 được đo đạc và thể hiện trên bản đồ địa chính... thửa đất tranh chấp 126, tờ bản đồ 48 quy hoạch là đất trồng cây hàng năm khác...”. Khu đất tranh chấp không thuộc quỹ đất công của UBND xã.

- *Về quá trình quản lý, sử dụng:* Đất tranh chấp thuộc một phần thửa 126 do gia đình nguyên đơn canh tác trồng cây ngắn ngày, chi họ Dương Hữu chỉ quản lý phần đất có các ngôi mộ, không canh tác, trồng cây gì trên đất. Phần đất nguyên đơn khởi kiện nằm ngoài diện tích đất mộ của chi họ Dương Hữu.

- *Về tài sản trên đất tranh chấp:* Bức tường xây bằng gạch ba banh có chiều dài 18,66m, chiều cao 30cm (có diện tích 5,6m²) do chi họ Dương Hữu xây ngày 20/12/2019 (âm lịch).

Như vậy, đất chưa được cấp GCNQSDĐ, bị đơn không có tài liệu quản lý đất đai về quyền quản lý, sử dụng đất, nguyên đơn có tên trên sổ mục kê và bảng thống kê diện tích loại đất và chủ sử dụng theo hiện trạng xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (cũ) năm 2007 và có quá trình quản lý, sử dụng. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là có cơ sở, bị đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

- *Về nội dung Kháng nghị:* Những thiếu sót của Bản án sơ thẩm, đã được làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm, có thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xác định lại nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng của các đương sự; Bản án sơ thẩm buộc những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn

phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm không trả lại đơn khởi kiện nhưng Bản án sơ thẩm áp dụng quy định tại Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự về Trả lại đơn khởi kiện là mâu thuẫn, không chính xác. Bản án sơ thẩm tuyên quyền kháng cáo của các đương sự nhưng không áp dụng quy định tại Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa đầy đủ.

Từ những đánh giá trên, thấy rằng Bản án sơ thẩm có những vi phạm về tố tụng và nội dung mà cấp phúc thẩm có thể khắc phục được. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị:

- Không chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có yêu cầu phản tố là ông Dương Hữu B, chấp nhận Kháng nghị của VKSND tỉnh Lạng Sơn, sửa Bản án sơ thẩm theo như nội dung đã phân tích nêu trên.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa Bản án, nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ hai, có đương sự vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có giấy uỷ quyền, có đương sự vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét kháng cáo của ông Dương Hữu B, là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có yêu cầu phản tố, yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 601m² thuộc một phần thửa 126 và tài sản trên đất:

[3] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Căn cứ lời khai của các đương sự trong hồ sơ vụ án và tài liệu do UBND xã cung cấp, thấy rằng đất tranh chấp trước khi tan hợp tác xã là đất nghĩa trang chung của xã B (cũ). Sau khi tan hợp tác xã (năm 1991), gia đình nguyên đơn đã canh tác, sử dụng. Đến năm 2007, khi có bản đồ địa chính thì thửa đất tranh chấp đã được quy hoạch là đất trồng cây hàng năm khác. Đất tranh chấp chưa được cấp GCNQSDĐ cho cá nhân, hộ gia đình nào. Theo sổ mục kê đất, Sổ Bảng thống kê diện tích loại đất và chủ sử dụng theo hiện trạng xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và Bản đồ địa chính xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn năm 2006 thể hiện: Thửa đất số 126 có diện tích 1.720m² đất trồng cây hàng năm khác, tờ bản đồ 48, quy chủ sử dụng là hộ ông Dương Đình C.

[4] Về quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hữu Đ1 và ông Dương Hữu S1 đều khẳng định sau tan hợp tác xã, phần

đất tranh chấp do gia đình nguyên đơn canh tác, chỉ họ Dương Hữu bên nhà bị đơn chỉ quản lý phần đất có các ngôi mộ. Về mốc giới, ông Dương Hữu Đ1 và ông Dương Hữu S1 cũng khẳng định ranh giới là đên bờ rào hàng cây lát, ranh giới này đã có từ trước, đến nay chưa có gì thay đổi. Phần đất tranh chấp 601m² nằm ngoài diện tích đất mộ của chỉ họ Dương Hữu, do nguyên đơn trực tiếp quản lý, canh tác liên tục từ sau năm 1991 khi tan hợp tác xã đến năm 2020 mới phát sinh tranh chấp. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Dương Hữu B cũng thừa nhận chỉ họ Dương Hữu chỉ quản lý phần mộ, chứ không canh tác, trồng cây gì trên diện tích đất tranh chấp.

[5] Căn cứ xác lập quyền sử dụng đất: Đất tranh chấp chưa được cấp GCNQSDĐ cho cá nhân, hộ gia đình nào. Nguyên đơn sử dụng ổn định trước ngày 15-10-1993 là ngày Luật đất đai năm 1993 có hiệu lực pháp luật nên nguyên đơn đủ điều kiện được xác lập quyền sử dụng đất theo pháp luật đất đai qua các thời kỳ, trước khi xảy ra tranh chấp được quy định cụ thể như sau:

[5.1] Theo Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 quy định: “1- Người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2- Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3- Nhà nước có chính sách bảo đảm cho người làm nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp có đất sản xuất.”

[5.2] Theo khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 quy định: *Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, nay đã được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, đã được xét duyệt đối với nơi đã có quy hoạch sử dụng đất thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất.*

[6] Tại cấp phúc thẩm, phía bị đơn cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ về ý kiến của những người làm chứng, họ đều trình bày về nguồn gốc đất là của gia đình bị đơn sử dụng để chôn cất mồ mả. Tuy nhiên như đã phân tích ở trên, thì các tài liệu này không làm thay đổi nhận định về vụ án. Căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng đất và hiện trạng đất tranh chấp, thấy rằng nguyên đơn đã trực tiếp canh tác từ năm 1991, nguyên đơn sử dụng đất đúng mục đích, nguyên đơn đã đứng tên trên Sổ mục kê, Bảng thống kê diện tích loại đất và chủ sử dụng theo hiện trạng và Bản đồ địa chính xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn năm 2006. Phần đất tranh chấp hiện nay không quy hoạch làm đất mồ mả, chôn cất. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố về việc yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích 601m² thuộc một phần thửa 126 và tài sản trên đất là có căn cứ. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Dương Hữu B.

[7] Đối với nội dung kháng nghị về việc Tòa án cấp sơ thẩm không ban hành

Thông báo thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn khi giải quyết lại vụ án, qua kiểm tra hồ sơ vụ án thể hiện có Thông báo về việc thụ lý yêu cầu phản tố ngày 21-10-2025 (tại bút lục 237a).

[8] Đối với nội dung kháng nghị về việc Bản án sơ thẩm đình chỉ các phần diện tích đất nằm ngoài diện tích 601m² theo Mạnh trích đo ngày 26-11-2025 là không phù hợp, thấy rằng:

[8.1] Vụ án này được thụ lý và xét xử sơ thẩm lần 2, theo quyết định của Bản án số 60/2025/DS-PT ngày 15-9-2025 của TAND tỉnh Lạng Sơn về việc huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm lần 1. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lại đối với đất tranh chấp khi thụ lý giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[8.2] Theo kết quả đo đạc 26-11-2025 xác định đất tranh chấp có diện tích là 601m² thuộc một phần thửa 126. Tuy nhiên, tại giai đoạn sơ thẩm lần 1, đã thực hiện đo đạc ngày 06-3-2024 thể hiện đất tranh chấp nguyên đơn xác định có tổng diện tích là 686,3m², trong đó: 601m² thuộc thửa 126; 6,7m² thuộc thửa 127; 78,6m² thuộc thửa 146; phần đất tranh chấp bị đơn xác định và có yêu cầu phản tố là 1.870m², trong đó: 601m² thuộc thửa 126; 6,7m² thuộc thửa 127; 78,6m² thuộc thửa 146; 843m² thuộc một phần thửa 126; 340,7m² không có số thửa tờ bản đồ 48.

[8.3] Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện và một phần yêu cầu phản tố là có căn cứ. Mạnh trích đo kèm theo Bản án cũng thể hiện đầy đủ phần đất đình chỉ giải quyết, không gây khó khăn cho công tác thi hành án.

[9] Đối với một số thiếu sót khác của Bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng, về án phí và về viện dẫn điều luật áp dụng, cấp phúc thẩm có thể khắc phục được bằng việc sửa Bản án sơ thẩm như sau:

[9.1] Về chi phí tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng chưa đúng. Cần xác định lại và sửa án sơ thẩm như sau: Tổng diện tích đất tranh chấp trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án cần được xem xét, giải quyết là 1.870m² tương ứng với tổng số tiền chi phí tố tụng là 26.586.000 đồng. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, phía bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố, nguyên đơn và phía bị đơn chỉ tranh chấp 601m² trước khi xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lần thứ hai. Nguyên đơn và phía bị đơn đều rút yêu cầu đối với diện tích đất 85,3 m² (6,7m² thuộc thửa 127; 78,6m² thửa 146) nên cùng phải chịu chi phí tố tụng tương ứng là 1.213.000 đồng, mỗi người phải chịu 606.000 đồng. Do phía bị đơn không được chấp nhận yêu cầu phản tố nên phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 26.586.000 đồng - 606.000 đồng = 25.980.000 đồng. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn phải chịu chi phí tố tụng là 25.980.000 đồng, mỗi người phải chịu 5.196.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên phía bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

[9.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm đã quyết định những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, 300.000 đồng án phí dân sự đối với yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận, tổng cộng là 600.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn có yêu cầu phản tố ông Dương Hữu P là người cao tuổi, đã

có đơn xin miễn án phí và đã được Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Thông báo miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Trường hợp đương sự là cá nhân đang tham gia tố tụng chết mà quyền, nghĩa vụ về tài sản của họ được thừa kế thì người thừa kế tham gia tố tụng*”. Do đó, người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, cần sửa Bản án sơ thẩm về nội dung này.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng nghị yêu cầu huỷ án sơ thẩm; chấp nhận một phần nội dung kháng nghị, chỉ ra sai sót của Bản án sơ thẩm. Không chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có yêu cầu phản tố.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Hữu B, là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn có yêu cầu phản tố; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2026/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; khoản 9 Điều 26, Điều 39, khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản Điều 164, 169, 221, 288, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn Điều 2 Luật Đất đai 1993; khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai 2003; Điều 4, Điều 26, khoản 3 Điều 166 của Luật đất đai 2013 và Điều khoản 1,5 Điều 26 của Luật đất đai năm 2024;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2, 5 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Đình C đối với diện tích đất và tài sản trên đất, gồm:

1.1. Diện tích 6,7m² thuộc một phần thửa 127, tờ bản đồ 48, có vị trí đỉnh thửa: A4, A5, B1;

1.2. Diện tích 78,6m² thuộc một phần thửa 146, tờ bản đồ 48, có vị trí đỉnh thửa: A5, A6, A7, B1.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bị đơn đối với diện tích đất và tài sản trên đất, gồm:

2.1. Diện tích 6,7m² thuộc một phần thửa 127, tờ bản đồ 48, có vị trí đỉnh thửa: A4, A5, B1;

2.2. Diện tích 78,6m² thuộc một phần thửa 146, tờ bản đồ 48, có vị trí đỉnh thửa: A5, A6, A7, B1;

2.3. Diện tích 843m² thuộc một phần thửa 126, tờ bản đồ 48, có vị trí đỉnh thửa: A1, A11, A10, A9, B9 và B9, A9, A8, B5, B11, B10;

2.4. Đình chỉ đối với diện tích 340,7m² không có số thửa tờ bản đồ 48, có vị trí đỉnh thửa: A6, A7, A8, B5, B4, B3, B2.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn do rút yêu cầu theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

II. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Đình C, yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích 601m² đất thuộc một phần thửa 126, tờ bản đồ 48 tại T (N) thuộc thôn T, xã B tỉnh Lạng Sơn; có vị trí đỉnh thửa: A1, A2, A3, A4, B1, A7, A8, A9, A10, A11. Ông Dương Đình C có quyền đi kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

Buộc người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn gồm: Ông Dương Hữu B, ông Dương Hữu C1, bà Dương Thị H, bà Dương Thị Đ, bà Dương Thị L phải tháo dỡ, di dời 01 bức tường gạch xây bằng gạch ba banh có chiều dài 18,66m, chiều cao 30cm (diện tích 5,6m²), có vị trí từ điểm A10-A3; phải chịu chi phí di dời tài sản; phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của nguyên đơn.

III. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn gồm: Ông Dương Hữu B, ông Dương Hữu C1, bà Dương Thị H, bà Dương Thị Đ, bà Dương Thị L về việc yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích 601m² đất thuộc thửa 126, tờ bản đồ 48 và tài sản trên đất tại T (N) thuộc thôn T, xã B tỉnh Lạng Sơn; có vị trí đỉnh thửa: A1, A2, A3, A4, B1, A7, A8, A9, A10, A11 và tài sản trên đất là bức tường gạch có chiều dài 18,66m có vị trí từ điểm A10-A3.

(Các đỉnh thửa trên thể hiện tại Trích đo khu đất tranh chấp số TĐ61-2025 ngày 26/11/2025 và Phụ lục ngày 13/4/2026 đã được gửi kèm theo Bản án sơ thẩm).

IV. Về chi phí tố tụng

1. Nguyên đơn ông Dương Đình C phải chịu chi phí tố tụng là 606.000 đồng (sáu trăm linh sáu nghìn đồng). Xác nhận ông Dương Đình C đã nộp đủ chi phí tố tụng.

2. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn gồm: Ông Dương Hữu B, ông Dương Hữu C1, bà Dương Thị H, bà Dương Thị Đ, bà Dương Thị L phải liên đới chịu chi phí tố tụng là 25.980.000 đồng, tương ứng mỗi người phải

chịu 5.196.000 đồng. Ông Dương Hữu B, ông Dương Hữu C1, bà Dương Thị H, bà Dương Thị Đ, bà Dương Thị L mỗi người phải hoàn trả lại cho ông Dương Đình C số tiền 5.196.000 đồng (năm triệu một trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

V. Về án phí

1. Án phí sơ thẩm: Bị đơn có yêu cầu phản tố được miễn án phí sơ thẩm; Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn gồm: Ông Dương Hữu B, ông Dương Hữu C1, bà Dương Thị H, bà Dương Thị Đ, bà Dương Thị L không phải nộp án phí sơ thẩm.

2. Án phí phúc thẩm: Ông Dương Hữu B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 19/8/2026.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 34, Điều 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Toà phúc thẩm, TANDTC tại HN;
- Viện phúc thẩm, VKSNDTC tại HN;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Dương sự;
- Lưu: HS, Tòa DS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiếm